

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 22/01/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng

Mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Định và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Đơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông **Trần Danh T** – sinh năm 1958; Địa chỉ: đường T, thị trấn C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Vợ chồng anh **Nguyễn Công T** – sinh năm 1974, chị **Huỳnh Thị Tuyết M** – sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

* *Những người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Minh P** – sinh năm 1974, có mặt.
 2. Anh **Nguyễn Đức T** – sinh năm 1983, có mặt.
 3. Anh **Nguyễn Cao T** – sinh năm 1990, vắng mặt.
 4. Anh **Nguyễn Văn Hg** – sinh năm 1976, vắng mặt.
 5. Chị **Võ Thị Kim Ty** – sinh năm 1979, vắng mặt.
 6. Ông **Đặng Văn T** – sinh năm 1965, có mặt.
 7. Anh **Đặng Công M** – sinh năm 1993, có mặt.
- Cùng địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 06/02/2018 vợ chồng anh T, chị M có đến nhà anh hỏi mua 63 cây mai giá tiền 900.000đ/cây tổng giá trị là 56.700.000 đồng và thỏa thuận miệng nếu anh T, chị M không bán được và trả lại thì anh T, chị M phải trả cho anh giá 400.000đ/cây. Anh T, chị M có đặc cọc cho anh 1.000.000 đồng và hứa sau khi bốc mai lên xe thì trả đủ tiền cho anh. Lúc đó anh có nhờ anh Nguyễn Minh P, Nguyễn Đức T, Nguyễn Cao T, Nguyễn Văn H, Đặng Văn T và Đặng Công M ở cùng thôn để phụ bốc mai lên xe. Sau khi bốc mai lên xe xong, anh hỏi tiền thì anh T, chị M hứa rằng là sau khi bán mai xong về sẽ trả tiền. Đến ngày 19/02/2018 vợ chồng anh T, chị M về có trả cho anh 28.400.000 đồng và trả lại 21 cây mai x 400.000 đồng/cây = 8.400.000 đồng. Vợ chồng anh T, chị M bán được 42 cây mai giá 900.000đ. Như vậy vợ chồng anh T, chị M mua mai của anh tổng cộng 46.200.000đ, đã thanh toán trước 29.400.000đ. còn lại 16.800.000đ. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu vợ chồng anh T, chị M phải trả 18.900.000đ là do anh tính nhầm giá mai trả lại 500.000đ/cây. Đến nay vợ chồng anh T, chị M chưa thanh toán hết số nợ mua mai cho anh. Anh yêu cầu vợ chồng anh T, chị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền mua 42 cây mai còn nợ là 8.400.000 đồng. Đối với 21 cây mai trả lại, giữa anh và vợ chồng anh T, chị M có thỏa thuận nhưng vợ chồng anh T không thừa nhận nên anh rút khỏi kiện đối với yêu cầu này. Trước đây anh không yêu cầu tính lãi suất nhưng vợ chồng anh T chị M cố tình không trả nợ nên nay anh yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Thời điểm mua bán mai, giữa anh và vợ chồng anh T thực hiện, vợ anh không biết nên không liên quan đến việc mua bán này. Sau này anh có nói cho vợ anh biết.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2018, bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Công T, chị Huỳnh Thị Tuyết M thống nhất trình bày: Ngày 21/12/2017 (âm lịch) anh H có liên hệ với vợ chồng anh nhờ chở 63 cây mai cảnh đi Đắc Lắc bán dùm. Lúc đó anh H có nói rằng nếu bán được thì về thanh toán cho anh H 700.000 đồng/cây. Sau đó anh H có gọi 4 người gồm Nguyễn Minh P, Nguyễn Đức T, Nguyễn Cao T, Nguyễn Văn H ở cùng thôn trực tiếp bốc 63 cây mai lên xe. Lúc đó anh H có hỏi vợ chồng anh mượn 1.000.000 đồng để trả tiền bốc vác cho 4 người nêu trên. Quá trình bán Mai ở Đắc Lắc vợ chồng anh bán được 42 cây. Ngày 19/02/2018 vợ chồng anh có trả cho anh H 28.400.000 đồng và chấp nhận thêm 1.000.000đ anh H đã mượn trước là 29.400.000đ, đồng thời trả lại cho anh H 21 cây mai. Việc bán mai dùm đã hoàn tất vợ chồng anh không nợ tiền gì của anh H. Nay anh H yêu cầu vợ chồng anh thanh toán số tiền 18.900.000 đồng theo đơn khởi kiện, vợ chồng anh không đồng ý. Bởi lẽ trước đây giữa vợ chồng anh và anh H không hề giao

dịch mua bán mai cảnh.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, đối chất, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Công chị Huỳnh Thị Tuyết M nhưng anh T, chị M không có mặt.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, buộc vợ chồng anh Nguyễn Công T, chị Huỳnh Thị Tuyết M phải trả cho anh H số tiền mua bán mai cảnh 42 cây còn nợ 8.400.000đ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện việc 21 cây mai cảnh vợ chồng anh Tuấn trả lại cho anh H. Về lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Công T, chị Huỳnh Thị Tuyết M trả tiền mua bán tài sản. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Công T, chị Huỳnh Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán cây mai cảnh. Đây là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa anh H và vợ chồng anh T, chị M thực tế có hợp đồng miệng mua bán tài sản là cây mai cảnh. Anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Tuấn trả số nợ còn thiếu của 42 cây mai là 8.400.000đ và rút yêu cầu khởi kiện đối với 21 cây mai trả lại. Vợ chồng anh T, chị M có mua cây mai cảnh của anh H nhưng không trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi của anh H. Tuy nhiên các bên không thống nhất về giá bán, Hội đồng xét xử thấy:

Lời khai của những người làm chứng Đặng Văn T và Đặng Công M khẳng định: có trực tiếp nghe hai bên anh H và vợ chồng anh T, chị M thỏa thuận mua bán với đơn giá là 900.000 đồng đồng/cây và vợ chồng anh T, chị M đồng ý mua. Quá trình lựa mai vợ chồng anh T, chị M có chọn ra những cây mai vừa ý mua và có gạch dấu vào những cây mai đã chọn có dòng chữ (Công Tuấn), chính ông Đặng Văn T và anh Đặng Công M (con trai ông Tâm) là người khiên mai đã chọn cho vợ chồng anh T, chị M. Khi các bên tranh cãi về giá cả sau khi bán mai về, ông T cũng có mặt tại nhà anh H, ông có nói với anh Nguyễn Công T: Nếu mày mua số mai của thằng H giá 900.000 đồng, mà mày nói 700.000 đồng thì mày ra trời thì tao sẽ trả phần còn lại cho thằng H. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của anh H.

Tại phiên tòa, anh H rút yêu cầu khởi kiện đối với 21 cây mai cảnh bị trả lại. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên bán. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, lãi suất tính từ thời điểm trả nợ từ ngày 25/5/2018 đến ngày 22/01/2019 là 07 tháng 27 ngày. Mức lãi suất được tính như sau: $8.400.000 \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 550.788\text{đ}$

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền mua 42 cây mai cảnh còn nợ 8.400.000đ và lãi suất 550.788đ. Tổng cộng 8.950.788đ

* Về án phí: anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng anh T, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $8.950.788\text{đ} \times 5\% = 447.540\text{đ}$ (Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đối với bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Công T, chị Huỳnh Thị Tuyết M. Buộc vợ chồng anh T, chị M có nghĩa vụ trả nợ cho anh H số tiền 8.950.788đ (**Tám triệu chín trăm năm mươi nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng**).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 21 cây mai cảnh bị trả lại.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh H **472.500đ (Bốn trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng)** tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0007334 ngày 24/5/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Vợ chồng anh Nguyễn Công T, chị Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu **447.540đ (Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1)
- VKSND h. Tuy An (2)
- THADS h. Tuy An (1)
- Dương sự (3)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

